TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 4 - 2019
V/v chị D xin ly hôn anh T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019. Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị D - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa vắng mặt chị D và anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/01/2019 cũng như lời khai chị Trần Thị D trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào tháng 7/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện N, tỉnh N.

Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị và anh T luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên thường xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 3/2017 đến nay chị và anh T sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin được ly hôn anh T. Về con chung giữa chị và anh T không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh T không có nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng anh T có lời khai trình bày: Anh kết hôn với chị D vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q. Sau khi kết hôn thì anh và chị D chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì nhưng không hiểu nguyên nhân vì sao chị D thường xuyên bỏ nhà đi và sống ly thân với anh. Đã nhiều lần anh tìm gọi chị D về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D về ở với anh được vài ngày rồi lại bỏ đi. Từ tháng 02/2017 đến nay anh và chị D sống ly thân nhau. Nay chị D xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn chị D vì anh là gia đình công giáo. Về con chung và tài ản chung giữa anh và chị D không có nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T. Về án phí dân sự sơ thẩm chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T đều cư trú tại thị trấn Q huyện N tỉnh N. Nay chị Trần Thị D xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1

Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị D vắng mặt nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, phía anh T vắng mặt nhưng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T được tổ chức kết hôn vào tháng 7/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị D và anh T chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do chị D và anh T không hợp tính nhau nên trong cuộc sống thường xảy ra xô sát. Hai bên gia đình đã động viên khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T không được cải thiện. Từ tháng 3/2017 đến nay chị D và anh T sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị D xin được ly hôn anh T nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh T không nhất trí ly hôn chị D với ly do anh là gia đình công giáo, thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh T không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đền nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị D đã nộp 300.000

đồng theo biên lai số: BB/2012/06381 ngày 02/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị D và anh T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND TT Q;
- Lưu hồ sơ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng **Đàm Văn Kiều** **Trần Xuân Dũng**